

Số: *36* /2020/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *27* tháng *10* năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường  
đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và  
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính  
phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;  
Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 666/TTr-  
TNMT ngày 23 tháng 7 năm 2020 và báo cáo thẩm định số 164/BC-STP ngày 02  
tháng 7 năm 2020 của Sở Tư pháp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Ban hành quy định về tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí có lưu lượng nước thải phát sinh từ 20m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) trở lên.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã thành và phố (sau đây gọi chung là Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện) tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí trên địa bàn thành phố, huyện và thị xã có lưu lượng nước thải phát sinh dưới 20m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và môi trường:

a) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh phân loại đối tượng nộp phí biến đổi và thông báo đến người nộp phí chậm nhất là ngày 10 tháng 3 hàng năm.

c) Tổng hợp số liệu hàng năm về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của tỉnh (mẫu biểu quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này), báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 5 năm sau.

d) Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện:

a) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh phân loại đối tượng nộp phí cố định thông báo đến người nộp phí chậm nhất là ngày 10 tháng 3 hàng năm.

c) Tổng hợp số liệu thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại địa phương (mẫu biểu quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này), báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

d) Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021.

**Điều 4.** Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *luu*

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Bộ Tư pháp – Cục KTVBQPPL;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-V5, TM, MT, TH;
- Lưu : VT, TM4.

10 bản, QĐ157

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Kháng**

**PHỤ LỤC 1:**

(Kèm theo Quyết định số **36** /2020/QĐ-UBND  
ngày **27** /10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số:...../BC-TNMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**  
Năm .....

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh như sau:

**1. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do đơn vị cấp nước sạch thu:**

| TT  | Tên đơn vị cấp nước sạch thu và nộp phí | Số phí phải nộp | Số phí quyết toán | Ghi chú |
|-----|---|-----------------|-------------------|---------|
| 1   | Đơn vị cấp nước sạch A                  |                 |                   |         |
| 2   | Đơn vị cấp nước sạch B                  |                 |                   |         |
| ... | ...                                     |                 |                   |         |
|     | Tổng                                    |                 |                   |         |

**2. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do UBND xã, phường, thị trấn thu:**

| TT | Tên TP/huyện/TX | Số xã, phường, thị trấn thu phí | Số phí phải nộp | Số phí quyết toán | Ghi chú |
|----|-----------------|---------------------------------|-----------------|-------------------|---------|
| 1  | TP/huyện/TX...  |                                 |                 |                   |         |

|     |                |  |  |  |  |
|-----|----------------|--|--|--|--|
| 2   | TP/huyện/TX... |  |  |  |  |
| ... | ...            |  |  |  |  |
|     | <b>Tổng</b>    |  |  |  |  |

**3. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:**

| TT  | Tên cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến | Số phí phải nộp được thông báo |                          |     |     | Số phí quyết toán | Ghi chú |                                   |     |
|-----|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------|-----|-----|-------------------|---------|-----------------------------------|-----|
|     |                                    | Số phí phải nộp theo năm       | Số phí phải nộp hàng quý |     |     |                   |         | Tổng số phí phải nộp trong cả năm |     |
|     |                                    |                                | Q1                       | Q2  | Q3  |                   |         |                                   | Q4  |
|     |                                    |                                | (1)                      | (2) | (3) |                   |         |                                   | (4) |
| 1   | Doanh nghiệp A                     |                                |                          |     |     |                   |         |                                   |     |
| 2   | Công ty B                          |                                |                          |     |     |                   |         |                                   |     |
| ... | ....                               |                                |                          |     |     |                   |         |                                   |     |
|     | <b>Tổng</b>                        |                                |                          |     |     |                   |         |                                   |     |

**4. Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất:**

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**PHỤ LỤC 2:**

(Kèm theo Quyết định số **36** /2020/QĐ-UBND  
ngày **27** /10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND THÀNH PHỐ/HUYỆN/THỊ XÃ  
**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-TNMT

Quảng Ninh, ngày..... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

Năm.....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do UBND xã, phường, thị trấn thu được trên địa bàn trong năm .....như sau:

| TT   | Tên xã, phường, thị trấn | Số phí phải nộp | Số phí quyết toán | Ghi chú |
|------|--------------------------|-----------------|-------------------|---------|
| 1    | Xã/Phường/Thị trấn ...   |                 |                   |         |
| 2    | Xã/Phường/Thị trấn ...   |                 |                   |         |
| .... | ....                     |                 |                   |         |
|      | <b>Tổng</b>              |                 |                   |         |

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đã nộp vào ngân sách nhà nước (viết bằng chữ):.....

2. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thu được trên địa bàn trong năm như sau:

| TT   | Tên cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến | Số phí phải nộp được thông báo | Số phí quyết toán | Ghi chú |
|------|------------------------------------|--------------------------------|-------------------|---------|
| 1    |                                    |                                |                   |         |
| 2    |                                    |                                |                   |         |
| .... | ....                               |                                |                   |         |
|      | <b>Tổng</b>                        |                                |                   |         |

3. Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất:...

**Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố/huyện...**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)